

# TỰ CHỦ CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC

**ĐẶNG BÁ LÃM**

**Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam  
Email: dangbalam@gmail.com**

**Tóm tắt:** Bài viết nêu bản chất tự chủ của các trường đại học là nhà trường tự do phát triển, tạo nền tảng cho sự phát triển không những của chính nhà trường mà còn cho sự phát triển của cả một đất nước. Phạm vi tự chủ của trường đại học bao gồm các hoạt động đào tạo, khoa học và tự chủ trong các điều kiện để thực hiện sứ mệnh đó là: cơ cấu tổ chức, nhân sự, tài chính, cơ sở vật chất. Trong các lĩnh vực tự chủ, thì tự chủ về khoa học đứng hàng đầu vì sáng tạo về khoa học là cơ sở để tổ chức đào tạo và phát triển xã hội. Thực tế, ở các trường đại học Việt Nam, hoạt động khoa học vẫn được coi là thứ yếu. Vì vậy, cần xác định rõ vị trí các trường đại học Việt Nam trong hệ thống khoa học quốc gia và đảm bảo tự chủ của các trường đại học trong hoạt động khoa học.

**Từ khóa:** Tự chủ; trường đại học; hoạt động khoa học.

(Nhận bài ngày 27/6/2016; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 19/9/2016; Duyệt đăng ngày 27/9/2016).

## 1. Bản chất sự tự chủ của trường đại học

Ở các nước phương Tây, tự chủ của trường đại học (ĐH) đều được gọi là "Autonomy". Cũng khái niệm đó, trong tiếng Việt có một số cách gọi khác nhau: Tự chủ, tự trị, tự quản, tự lập, tự lực,... nền tảng chung đó là tự do, với cách hiểu sự tự do con người có được là do nhận thức và hành động theo sự tất yếu, tức là nắm được các quy luật vận động của tự nhiên, xã hội và hành động phù hợp với các quy luật đó để tồn tại và phát triển. Tuy các từ đó có cùng nền tảng nhưng khi sử dụng chúng người ta có sự cân nhắc, lựa chọn nhất định: Tự chủ thường được dùng một cách trang trọng, thiêng liêng khi nói đến sự độc lập, tự chủ của một quốc gia; Tự trị thường được dùng để nói đến đặc quyền của một vùng, một lãnh thổ trong quốc gia; Tự quản thường được dùng để nói đến quyền của một tổ chức; còn tự lập, tự lực thì được dùng để nói đến năng lực của tổ chức đó. Ở Việt Nam, khi nói về quyền của các trường ĐH (chính thức khởi đầu từ Luật Giáo dục 1998), người ta không ngại ngần dùng từ "tự chủ" mà lại e ngại dùng từ "tự trị", bởi vì không muốn để nhà trường trở thành một tổ chức biệt lập trong một nhà nước từ lâu có thói quen quản lý rất tập trung. Nhưng điều đó xuất phát từ yếu tố tâm lý hơn là do ý nghĩa của ngôn từ hay bản chất của vấn đề. Bản chất của vấn đề là để nhà trường ĐH có thể phát triển, tạo nền tảng cho sự phát triển không những của chính nhà trường mà còn cho sự phát triển của cả một vùng, một đất nước và rộng hơn là của cả nhân loại. Nhà trường phải được tự trị để tự do phát triển, không bị can thiệp bởi mọi thế lực, thần quyền cũng như thế quyền. Lịch sử phát triển của nền giáo dục ĐH thế giới nói riêng cũng như của của nhân loại nói chung đã nói lên điều đó.

## 2. Phạm vi và mức độ tự chủ của trường đại học

Tight (1992) đã phân biệt sáu lĩnh vực tự do trong việc ra quyết định có liên quan đến tự chủ của trường ĐH. Đó là: tự chủ trong quản lý, tự chủ trong thực hiện kiểm soát tài chính theo kiểu doanh nghiệp, tự chủ trong các quyết định nhân sự, tự chủ trong tuyển chọn sinh viên, tự chủ trong việc quyết định chương trình giảng dạy và tự chủ trong việc đánh giá, cấp bằng. Có thể sắp xếp lại các lĩnh vực đó như sau: Trường ĐH tự chủ trong thực hiện sứ mệnh của mình về đào tạo, hoạt động khoa học (Nói gộp lại là hoạt động học thuật) và tự chủ trong các điều kiện để thực hiện sứ mệnh đó là: cơ cấu tổ chức, nhân sự, tài chính, cơ sở vật chất.

Tự chủ về các điều kiện là để thực hiện sứ mệnh của trường. Vì vậy, chúng tôi tập trung bàn sâu hơn về tự chủ trong thực hiện sứ mệnh của trường ĐH với hai chức năng chính là *đào tạo* và *hoạt động khoa học* cũng như về mối quan hệ giữa hai chức năng đó. Ở các trường ĐH Liên Xô trước đây cũng như ở các nước trước đây nằm trong vòng ảnh hưởng của Liên Xô như Việt Nam, hai chức năng này thường tách rời nhau, trong đó chức năng hàng đầu của trường ĐH là đào tạo, còn chức năng hoạt động khoa học là thứ yếu vì chức năng này chủ yếu được giao cho hệ thống viện nghiên cứu thuộc viện hàn lâm khoa học. Các nhiệm vụ nghiên cứu lớn cũng như nhân lực và tài chính khoa học tập trung vào hệ thống các viện này. Chính vì thế, vị thế khoa học của các trường ĐH trong hệ thống khoa học quốc gia tương đối yếu [1]. Trong khi đó, ở các nước phương Tây, đặc biệt là Mỹ, cả hai chức năng này đều được giao phó cho các trường ĐH. Trường ĐH không chỉ là bộ máy đào tạo nhân lực trình độ cao mà còn là cỗ máy sản xuất tri thức. Trong hai chức năng đó thì kết quả thực hiện chức năng hoạt



động khoa học quyết định vị thế của trường ĐH trong hệ thống ĐH quốc gia và quốc tế. Xếp hạng các trường ĐH trong phạm vi quốc tế chủ yếu dựa trên các tiêu chí về thành tựu khoa học [2].

Sở dĩ hoạt động khoa học có vị trí cao như vậy vì tri thức khoa học là nền tảng của giáo dục nói chung và của đào tạo ĐH nói riêng. Đào tạo ĐH là hoạt động chuyển tải tri thức do hoạt động nghiên cứu khoa học sản sinh ra, danh mục ngành đào tạo ĐH dựa trên danh mục các môn khoa học [3]. Nếu không phát triển hoạt động khoa học thì hoạt động đào tạo sẽ ngừng trệ và sự phát triển của xã hội loài người cũng giậm chân tại chỗ.

### **3. Tự chủ của trường đại học trong hoạt động khoa học**

Trong lịch sử phát triển của loài người, sự tiến bộ của tri thức khoa học thúc đẩy sự phát triển của nền sản xuất và sự phát triển của xã hội. Không cần phải trở lại thời cổ đại quá xa xôi, chỉ cần kể đến những bước nhảy vọt trong vài thế kỉ gần đây, đó là: Sự phát triển của cơ học, của nhiệt động học, của kĩ thuật điện,... tạo ra cuộc cách mạng công nghiệp, sự phát triển của vật lí hạt nhân tạo ra cuộc cách mạng về năng lượng, sự phát triển của điều khiển học, của kĩ thuật viễn thông, của công nghệ thông tin tạo thời đại thông tin ngày nay,... Tuy nhiên, lịch sử cũng đã chứng kiến những cản trở lớn đối với sự tiến bộ của khoa học. Có thể dẫn ra ví dụ như sau: trước đây là sự cấm đoán của nhà thờ đối với việc phổ biến thuyết nhật tâm của Copernic, thuyết tiến hóa của Darwin, ... gần đây hơn là sự cấm đoán phát triển di truyền học, các học thuyết về quản lí trong một thời gian ở Liên Xô. Những cấm đoán đó đã làm cho một số lĩnh vực khoa học và công nghệ ở Liên Xô trước đây lạc hậu so với Phương Tây vài thập kỉ, ảnh hưởng lớn đến việc tạo giống, đến năng suất lao động trong nông nghiệp, đến hiệu quả quản lí sản xuất và xã hội,...

Để đảm bảo sự phát triển tự nhiên của khoa học, để khoa học có thể đóng vai trò động lực thường xuyên của sự tiến bộ, cần có sự tự do trong sáng tạo khoa học và công nghệ. Sự sáng tạo đó chỉ tuân theo một mệnh lệnh duy nhất là logic của tư duy, logic của khoa học. Logic đó mạnh hơn bất cứ thế lực nào. Tự chủ của trường ĐH chính là để bảo đảm cho sự tự do sáng tạo đó.

### **4. Những vấn đề đặt ra đối với tự chủ trường đại học ở Việt Nam**

Việt Nam đã xác định khoa học, công nghệ cùng với giáo dục, đào tạo là quốc sách hàng đầu, tuy nhiên điều đó chưa thực sự đi vào cuộc sống. Chiến lược Phát triển Giáo dục 2011-2020 nhấn mạnh rằng: "Giáo dục *phải thực sự* là quốc sách hàng đầu". Hàng năm, tỉ lệ ngân sách Nhà nước đầu tư cho lĩnh vực này khoảng 1,5%, tương đương 700 triệu USD. Trong khi đó, Hàn Quốc đầu tư cho khoa học công nghệ là 28.288 triệu USD (Năm 2006), gần gấp đôi Liên bang Nga (16.669 triệu USD), nước thừa kế vị

thế cường quốc khoa học của Liên Xô trước đây. Nếu tính trên đầu người thì đầu tư đó gấp 10 lần Nga và gấp khoảng 80 lần Việt Nam. Điều đó chứng tỏ bằng thực tế, Hàn Quốc có quyết tâm rất cao dựa vào khoa học, công nghệ để phát triển nhanh đất nước.

Việt Nam chưa đầu tư mạnh mẽ cho khoa học, công nghệ vì hai lẽ: Một mặt những người quyết định chính sách ở cấp cao nhất chưa nhận thức hết tầm quan trọng của khoa học, công nghệ đối với tiến bộ của sản xuất và xã hội; Mặt khác trong thời gian qua, với những gì có được về đội ngũ, tài chính,... khoa học, công nghệ ở Việt Nam chưa có đóng góp đáng kể trong việc tạo ra các thay đổi rõ rệt về sản xuất và đời sống xã hội, vì thế chưa tạo ra niềm tin cho xã hội. Không cần nhìn đầu xa, chỉ cần nhìn sang các nước láng giềng: Hàng Trung Quốc đa dạng, phong phú, rẻ tiền tràn ngập thị trường Việt Nam; Các giống cây, trái của Thái Lan lấn át cây trái của Việt Nam... Như vậy, có thể thấy, khoa học, công nghệ của các nước đó đã có vai trò rõ rệt trong việc tạo ra sự thay đổi ngoạn mục cho sản xuất và tiêu dùng ở trong và ngoài nước.

Đối với ĐH Việt Nam, điều đang được quan tâm và thảo luận sôi nổi về tự chủ ĐH hiện nay là tự chủ về tài chính, về tuyển sinh, về mở ngành đào tạo..., những vấn đề liên quan đến sự tồn tại hay không tồn tại trước mắt của nhà trường, ít người quan tâm đến tự chủ về sáng tạo khoa học. Điều đó cũng dễ hiểu bởi vì, so với đào tạo thì hoạt động khoa học trong các trường ĐH Việt Nam vẫn theo truyền thống ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, chỉ ở vị trí thứ yếu, kinh phí ít, nhiệm vụ lại không bắt buộc. Các trường ĐH tập trung chủ yếu vào hoạt động đào tạo còn hoạt động khoa học tiến hành đến đâu hay đó. Một nghiên cứu trước đây (Trần Văn Nhung, Trần Khánh Đức) chỉ ra rằng các trường ĐH ở Việt Nam chiếm khoảng 70% nhân lực khoa học trình độ cao, nhưng chỉ được 12% kinh phí từ ngân sách khoa học Nhà nước.

Gần đây, Việt Nam muốn nâng vị thế các trường ĐH trên trường quốc tế. Quyết định 121/2007/QĐ-TTg về quy hoạch mạng lưới các trường ĐH, cao đẳng giai đoạn 2006-2020 để ra mục tiêu đến năm 2020 có 1 trường ĐH lọt vào top 200 trường hàng đầu thế giới, trong khi hiện nay Việt Nam chưa có trường nào lọt vào bảng xếp hạng của các tổ chức đánh giá có uy tín như Times Higher Education Supplement hay Trường ĐH Giao thông Thượng Hải. Còn trong xếp hạng của các tổ chức ít nổi tiếng hơn như Webometrics thì trường hàng đầu của Việt Nam đứng thứ 1920 [2]. Từ vị thế hiện nay mà 4 năm nữa vươn được lên vị thế mới theo quy hoạch là một bước nhảy cực xa, cần có những quyết định hết sức táo bạo. Muốn thực hiện được điều đó, trước hết cần tăng vai trò của hoạt động khoa học cả nước nói chung và xác định lại vị trí của các trường ĐH trong hệ thống khoa học quốc gia theo mô hình các nước tiên tiến, sau đó là tôn trọng tự chủ, tự do của sáng tạo khoa học của các trường ĐH.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1]. V. P.Eliutin, *Vushaja shkola obshestva razvitogo sotsializma*, "Vushaja shkola", 1980.
- [2]. Nguyễn Văn Tuấn, *Chất lượng giáo dục nhìn từ góc độ hội nhập*, NXB tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2011.
- [3]. Tạ Quang Bửu, Đặng Bá Lâm, Vũ Công Lập, *Một dự thảo về phân loại khoa học*, Tin tức hoạt động khoa học, Số 2, 3-1980.
- [4]. Lâm Quang Thiệp, D. Bruce Johnstone, Philip G. Altbach (Chủ biên), (2007), *Giáo dục Đại học Hoa Kỳ*, NXB Giáo dục.
- [5]. Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Quyết định 121/2007/QĐ-TTg về Quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006-2020*.

**AUTONOMY AT UNIVERSITIES IN SCIENTIFIC ACTIVITY**

**Dang Ba Lam**  
**The Vietnam Institute of Educational Sciences**  
**Email: dangbalam@gmail.com**

**Abstract:** *The article presents the nature of autonomy at universities: be free to develop, create development foundation for their growth and the national development as well. The scope of university autonomy includes specific training activities, science and autonomy in order to complete their mission: organizational structure, human resources, finance and facility. Scientific autonomy plays the leading role as scientific creativity is the basis for organizing training and social development. In fact, scientific activities are still considered as supplemental part at Vietnamese universities. So, the position of universities in Vietnam should be identified in our national science system and ensure autonomy of universities in scientific activities.*

**Keywords:** *Autonomy; universities; scientific activities.*